

恒元聯合法律事務所 EVER ONE LAW FIRM



稅務指南 AC-251206 Cẩm nang Thuế 2025-12-22

標題	第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》
Tiêu đề	MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025
編撰	經理 阮維成 會計師
Người soạn	Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành
涉及範圍	企業所得稅法 2025、納稅人範圍、外國企業、電子商務、數位平台、常設機構、其他收入、匯兌差額、非現金支付、可扣除費用、不得扣除費用、稅率優惠、資本轉讓、投資優惠地區、擴大投資
Phạm vi liên quan	Luật thuế TNDN 2025, Người nộp thuế, Doanh nghiệp nước ngoài, Thương mại điện tử, Nền tảng số, Cơ sở thường trú, Thu nhập khác, Chênh lệch tỷ giá, Thanh toán không dùng tiền mặt, Chi phí được trừ, Chi phí không được trừ, Ưu đãi thuế suất, Chuyển nhượng vốn, Địa bàn ưu đãi đầu tư, Đầu tư mở rộng

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》 MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

1. 關於納稅人 Về người nộp thuế

《2025 年企業所得稅法》第 2 條第 2 款第 d 點已新增將「在越南沒有設立常設機構、但以電子商務或數位平台經營方式向越南提供商品、服務的外國企業」納入納稅人範圍，該等外國企業須就其在越南境內產生的應稅所得繳納企業所得稅。

Tại điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 đã bổ sung người nộp thuế là Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

同時，《2025 年企業所得稅法》第 2 條亦規定，外國企業之常設機構包括：外國企業透過其在越南境內提供商品、服務的電子商務平台或數位科技平台。

Đồng thời, tại Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định về cơ sở thường trú của doanh nghiệp nước ngoài bao gồm cả: nền tảng thương mại điện tử, nền tảng công nghệ số mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

2. 其他收入 (依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 3 條第 3 款)

Thu nhập khác : tại khoản 3 điều 3 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

- 來自存款利息、資金放貸利息、外幣買賣所得（不包括信用機構從事授信業務、存款業務及外匯經營活動所取得的收入），包括：
 - Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn, bán ngoại tệ (trừ thu nhập từ hoạt động cấp tín dụng, gửi tiền, kinh doanh ngoại tệ của tổ chức tín dụng), bao gồm:
 - 於各信用機構的存款利息、依法以任何形式進行資金放貸所取得的利息收入，包括遲延付款利息、分期付款利息、信用擔保費及借款合同中的其他各項費用；
 - Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, lãi cho vay vốn dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật bao gồm cả tiền lãi trả chậm, lãi trả góp, phí bảo lãnh tín dụng và các khoản phí khác trong hợp đồng cho vay vốn;
 - 外幣買賣所得，係以出售外幣所取得的總收入，扣除出售之外幣數量之購買總價或總成本後計算；
 - Thu nhập từ hoạt động bán ngoại tệ được xác định bằng tổng số tiền thu từ bán ngoại tệ trừ đi tổng giá mua hoặc tổng giá vốn của số lượng ngoại tệ bán ra;
 - 計稅期內之匯差所得，包括於計稅期末對以外幣計價之應付負債進行重估所產生的匯差，以及計稅期內實際發生的匯差，具體如下：
 - Thu nhập từ chênh lệch tỷ giá trong kỳ tính thuế bao gồm khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế và khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, cụ thể như sau:
 - 納稅期間內發生之匯差，以及於計稅期末對以外幣計價之應付負債進行重估所產生之匯差，若直接關聯於企業主要生產、經營活動之收入與成本，則應計入企業主要生產、經營活動之成本或收入。納稅期

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

間內發生之匯差，以及於計稅期末對以外幣計價之應付負債進行重估所產生之匯差，如未直接關聯於企業主要生產、經營活動之收入與成本，則於確定應課稅所得時：若產生匯差損失，計入財務費用；若產生匯差收益，則計入其他所得。

- Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ tính thuế liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối kỳ tính thuế không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của doanh nghiệp, nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí tài chính, nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế;

- 計入收入的計稅期內發生的外幣項目的匯差，係指該等外幣項目於發生時的匯率與其最初入賬時的匯率之間的差額。

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản mục có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ được tính vào thu nhập là khoản chênh lệch giữa tỷ giá tại thời điểm phát sinh các khoản có gốc ngoại tệ với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- 本點所規定之匯差，不包括因於會計期末重估餘額產生之匯差：現金、存款、在途款項，以及以外幣項目之應收賬款。

- Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái quy định tại điểm này không bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm tài chính là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ;

因此，上述所得之外的其他所得，均須認列為不適用企業所得稅優惠的其他所得。

Như vậy đối với các khoản thu nhập khác trên phải ghi nhận là thu nhập khác không được ưu đãi thuế TNDN.

以往規定 Trước đây:

法規尚未明確規定須將前述其他所得與享有優惠之生產、經營活動利潤分開計算，以課徵企業所得稅（即不適用稅收優惠）。

Chưa quy định cụ thể các khoản thu nhập khác trên phải tách với lãi hoạt động sản xuất kinh doanh ưu đãi để tính thuế TNDN (không được ưu đãi thuế)

3. 計稅期內應課稅所得之抵扣（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 6 條第 3 款）

Bù trừ thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế. Tại khoản 3 điều 6 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

如企業從事房地產轉讓、投資項目轉讓、或投資項目參與權轉讓，而發生虧損的，則不得與正在享有企業所得稅優惠之生產、經營活動所產生的應課稅所得相互抵扣。

Trường hợp doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư bị lỗ thì không bù trừ với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế có thu nhập.

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

因此，企業可就房地產轉讓活動與生產、經營活動之間的盈虧進行雙向抵扣（如生產、經營活動已有盈利且正在享有稅收優惠，則無需將房地產轉讓活動的虧損轉入抵扣）。

Như vậy doanh nghiệp sẽ được bù trừ 2 chiều lãi, lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản với hoạt động sản xuất kinh doanh (Nếu Hoạt động kinh doanh lãi mà đang được ưu đãi thì không cần chuyển lỗ từ chuyển nhượng bất động sản vào)

以往規定 Trước đây:

僅允許將房地產轉讓活動產生的虧損轉入抵扣生產、經營活動的盈利，不允許將房地產轉讓活動的盈利轉入抵扣生產、經營活動。

Chỉ được bù trừ khoản lỗ chuyển nhượng bất động sản vào lãi hoạt động kinh doanh không được bù trừ khoản lãi chuyển nhượng bất động sản vào hoạt động kinh doanh.

4. 非現金支付憑證（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 9 條）

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điều 9 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

- 對於下列情形：向直接生產、捕撈者購買農產品、林產品、水產品；向直接手工生產者購買以黃麻、蘭草、竹、藤、葉、蒲草、藤條、稻草、椰殼、椰殼纖維或利用農業副產品制成的手工制品；向直接拾撿者購買廢料；向家庭戶、個人直接出售的用品或資產；向個人、經營戶購買商品或服務（不包括上述情形）且其營業收入低於須繳納增值稅之收入門檻者，應依會計、發票及憑證相關法律規定，具備向賣方支付款項之支付憑證；其中，如同一日內向單一家庭戶或個人購買商品、服務之金額達 500 萬越盾以上，須以非現金方式支付，並須編制由企業法律代表人或其授權人簽署並負責之商品、服務採購清冊。

- Đối với các trường hợp: Mua sản phẩm là nông, lâm, thủy sản của người sản xuất, đánh bắt trực tiếp bán ra; mua sản phẩm thủ công làm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, song, mây, rom, vỏ dừa, sọ dừa hoặc nguyên liệu tận dụng từ sản phẩm nông nghiệp của người sản xuất thủ công trực tiếp bán ra; mua phế liệu của người trực tiếp thu nhặt; mua đồ dùng, tài sản của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp bán ra; mua hàng hóa, dịch vụ của cá nhân, hộ kinh doanh (không bao gồm các trường hợp nêu trên) có mức doanh thu dưới ngưỡng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng phải có chứng từ chi trả tiền theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ cho người bán (đối với trường hợp giá trị mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt) và Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền của doanh nghiệp ký và chịu trách nhiệm;

因此，對於以採購清冊方式記錄之商品、服務採購（無須開立發票），如同一日內向單一家庭戶或個人購買商品、服務之金額達 500 萬越盾以上，仍必須以非現金方式支付。

Như vậy đối với các khoản mua hàng hóa dịch vụ lập bảng kê thu mua (không cần hóa đơn) vẫn phải thanh toán không dùng tiền mặt khi mua hàng hóa, dịch vụ trong ngày của từng hộ, cá nhân từ 05 triệu đồng trở lên phải thanh toán không dùng tiền mặt)

以往規定 Trước đây:

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

無需以非現金方式支付

Không cần thanh toán không dùng tiền mặt

- 對於購買商品、服務及其他各項支出，如單筆支付金額達 500 萬越盾以上，須具備非現金支付憑證。非現金支付憑證之具體執行，依增值稅相關法律文件之規定辦理。

- Khoản chi có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

因此，其他各項支付款項，包括員工薪資、向個人支付的房屋租金、資產租賃費（非經營個人），均須符合非現金支付條件，方可被認定為可扣除之稅前費用。*（未來如有通知指引關於對部分特定組織不需適用上述規定者，我們將另行通知貴客。）*

Như vậy các khoản thanh toán khác bao gồm tiền lương nhân viên, tiền thuê nhà, thuê tài sản của cá nhân không kinh doanh phải đáp ứng điều kiện thanh toán không dùng tiền mặt mới được xem là chi phí tính thuế được trừ. *(thời gian tới nếu có thông tư hướng dẫn ngoài trừ một số đối tượng tổ chức nào không cần áp dụng chung tôi sẽ thông báo đến khách hàng sau)*

以往規定 Trước đây:

並未規定向非經營個人支付的薪資、勞務報酬及資產租賃費，必須以非現金方式支付。

Chưa quy định tiền lương, tiền công, thuê tài sản của cá nhân không kinh doanh phải thanh toán không dùng tiền mặt.

5. 計算企業所得稅時可扣除之費用（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 9 條第 2 款第 i 點）

Chi phí được trừ khi tính thuế TNDN tại điểm i khoản 2 điều 9 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

企業支付予在經濟區、高科技園區、農業高科技應用區、集中式數位科技園區、工業區、工業群內經營基礎設施的企業的土地租金及基礎設施管理、維護費用；以及企業就向國家承租土地所支付的土地租金，其中該土地及基礎設施須作為企業的生產、經營場所或經營地點，若其尚未投入企業生產、經營活動。

Chi phí tiền thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng trả cho các doanh nghiệp kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chi phí tiền thuê đất trả cho Nhà nước đối với đất thuê của Nhà nước trong đó đất và cơ sở hạ tầng này phải là địa điểm, trụ sở sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong trường hợp chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

以往規定 Trước đây:

尚未作出具體規定。*Chưa quy định cụ thể.*

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》 MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

6. 計算企業所得稅時不得扣除之超額費用（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 10 條第 4 款第 d 點）

Chi phí vượt mức quy định không được trừ khi tính thuế TNDN tại điểm d khoản 4 Điều 10 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

企業依《社會保險法》為員工繳納補充退休保險、或具有社會保障性質之基金，或為員工購買自願性退休保險、壽險所支付之費用中，超過每人每月 500 萬越盾的支出部分。

Phần chi vượt mức 05 triệu đồng/tháng/người để đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

以往規定 Trước đây:

依據修正、補充第 96/2015 號通知之第 25/2018 號通知之規定，超過每人每月 300 萬越盾的支出部分。

Phần chi vượt mức 03 triệu đồng/tháng theo thông tư 25/2018 sửa đổi bổ sung thông tư 96/2015

7. 重估應收款項、放款、現金、存款、在途款項之匯差盈虧結轉（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 10 條第 16 款第 b 點）

Kết chuyển lãi lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại khoản nợ phải thu, khoản cho vay, tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển tại điểm b khoản 16 Điều 10 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

- 對於於計稅期內發生之以外幣計價的應收款項、放款、現金、存款、在途款項，可計入可扣除費用的匯差，係指該等項目於發生時之匯率與其最初入賬時之匯率之間的差額。

- Đối với khoản nợ phải thu, khoản cho vay, tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính vào chi phí được trừ là khoản chênh lệch giữa tỷ giá tại thời điểm phát sinh với tỷ giá tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

據此，該議定新增將現金、存款及在途款項納入確定可扣除費用之計算依據。

Như vậy nghị định đã bổ sung thêm tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển làm cơ sở xác định chi phí được trừ.

以往規定 Trước đây:

僅提及應收款項及放款款項。

Chỉ đề cập đến nợ phải thu, khoản cho vay.

8. 關於企業所得稅稅率（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 11 條）

Về thuế suất thuế TNDN tại Điều 11 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

1. 企業所得稅稅率為 20%，除第 2、3 款規定之情形以及第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 19 條規定的享有稅率優惠的對象外。

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 này và đối tượng được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 19 Nghị định 320/2025.

2. 15% 稅率適用於年度總營收不超過 30 億越盾之企業。

Thuế suất 15% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 03 tỷ đồng.

3. 17% 稅率適用於年度總營收超過 30 億越盾至不超過 500 億越盾之企業。

Thuế suất 17% áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu năm từ trên 03 tỷ đồng đến không quá 50 tỷ đồng.

第 2 款及第 3 款所規定之 15% 與 17% 稅率，**不適用於**屬於子公司或關聯企業之企業；若關聯關係中的企業未符合第 2 點、第 3 點所規定之適用稅率條件。

Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2, khoản 3 này **không** áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại điểm 2, điểm 3 này.

以往規定 Trước đây :

沒有優惠。Không có ưu đãi.

9. 外國承包商企業所得稅（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 12 條第 2 款第 b 點）

Thuế Thu nhập doanh nghiệp nhà thầu nước ngoài tại điểm b khoản 2 Điều 12 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

外國企業於保稅倉庫、免稅區銷售原料、物資、零組件之貨物，供進口至越南以服務於出口產品之生產或依合約進行加工出口；外國企業指定出口加工企業將原料、物資、零組件交付予其他出口加工企業，以依合約服務於出口產品之生產或出口加工者，**無須繳納企業所得稅。**

Doanh nghiệp nước ngoài bán hàng hóa là **nguyên liệu, vật tư, linh kiện tại kho ngoại quan, khu phi thuế quan để nhập khẩu vào Việt Nam phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu**, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng, các doanh nghiệp nước ngoài chỉ định doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa là nguyên liệu, vật tư, linh kiện cho doanh nghiệp chế xuất khác để phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, gia công hàng xuất khẩu theo hợp đồng **không phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp**;

以往規定 Trước đây :

仍屬於繳納承包商稅的對象。

Vẫn thuộc diện chịu thuế nhà thầu.

- 透過電子商務渠道或數位平台提供商品、服務時，外國承包商適用之增值稅計稅百分比

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》 MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

- Tỷ lệ % tính thuế GTGT nhà thầu với hàng hóa dịch vụ cung cấp thông qua kênh thương mại điện tử hoặc các nền tảng số

根據第 48/2024 號增值稅法第 9 條第 3 款，規定關於增值稅稅率：

Theo khoản 3, Điều 9, Luật thuế GTGT số 48/2024 quy định về thuế suất thuế GTGT:

10% 稅率適用於未在越南設立常設機構的外國供應商，透過電子商務渠道或數位平台向越南境內的組織、個人提供商品、服務。

Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ các nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam cung cấp cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam qua kênh thương mại điện tử và các nền tảng số.”

以往規定 Trước đây: :

適用 5% 的計稅比例。

Áp dụng tỷ lệ tính thuế 5%.

11. 外國組織之資本轉讓所得稅計算方法（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 12 條第 2 款第 i 點）

Phương pháp tính thuế chuyển nhượng vốn đối với tổ chức nước ngoài tại điểm i khoản 2 Điều 12 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

資本轉讓（不包括集團內部的所有權重組交易，該等交易不會改變重組後在越南擁有直接或間接所有權的參與者的最高母公司，且不產生收入）：按轉讓價格的 2% 直接徵稅。

Chuyển nhượng vốn (trừ trường hợp giao dịch tái cơ cấu sở hữu của các công ty trong nội bộ tập đoàn không làm thay đổi công ty mẹ tối cao của các bên tham gia có sở hữu trực tiếp, gián tiếp doanh nghiệp tại Việt Nam sau tái cơ cấu và không phát sinh thu nhập): Tỷ lệ trực tiếp 2% trên giá chuyển nhượng.

以往規定 Trước đây: :

以轉讓價格扣除實際出資額（或回購價格）後的差額，再按 20% 稅率計算企業所得稅。

Áp dụng giá chuyển nhượng trừ đi vốn thực góp (hoặc giá mua lại) nhân thuế suất 20%

12. 計算應課稅所得之營業收入（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 8 條第 3 款第 d 點）

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế tại điểm d khoản 3 điều 8 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

對於用於交換或內部消費之商品、服務（不包括用於持續進行企業生產、經營流程之商品、服務），按交換或內部消費時點，以市場上同類或相當商品、服務之銷售價格予以確定。

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ (không bao gồm hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp) được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi, tiêu dùng nội bộ;

以往規定 Trước đây: :

無須認列計算企業所得稅應課稅所得的營業收入。

Không cần ghi nhận doanh thu tính thu nhập chịu thuế TNDN.

13. 資本轉讓所得 (依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 13 條第 1 款)

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn tại khoản 1 Điều 13 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

- 企業之資本轉讓所得，係指企業將其已投資於一個或多個組織、個人的部分或全部資本予以轉讓所取得之所得（包括出售企業、轉讓出資權，以及法律規定的其他資本轉讓形式），以及非上市公司之股份轉讓、非上市且未依證券法規定辦理上市或登記交易之組織之股份轉讓。

- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp là thu nhập có được từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của doanh nghiệp đã đầu tư cho một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả trường hợp bán doanh nghiệp, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật), chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.

資本轉讓所得之確定時點，為資本所有權轉移之時點。

Thời điểm xác định thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn.

- 企業將資本轉讓予組織、個人，則依轉讓合約約定之轉讓價值自 500 萬越盾以上，必須具備非現金支付憑證。如資本轉讓未具備非現金支付憑證，稅務機關有權指定轉讓價格。

- Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn cho tổ chức, cá nhân thì phần giá trị vốn chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp việc chuyển nhượng vốn không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển.

以往規定 Trước đây:

非上市公司之股份轉讓，或非依證券法規定辦理上市、登記交易之組織之股份轉讓，仍被視為證券轉讓。

Chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán vẫn được xem là chuyển nhượng chứng khoán.

14. 企業所得稅優惠地區 (依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 18 條第 3 款)

Địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 18 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

符合投資法規定之經濟社會條件困難及特別困難地區，但不包括依據 2021 年 3 月 26 日政府第 31/2021/NĐ-CP 號議定所附《投資優惠地區名錄》附錄三中序號 55 所列之經濟社會條件特別困難地區（由 2025 年 9 月 3 日政府第 239/2025/NĐ-CP 號議定第 1 條第 37 款之規定修正、補充）。

Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư, trừ địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại số thứ tự 55 Phụ lục III danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ);

據此，依第 320/2025/NĐ-CP 號議定的規定，第 320/2025 號議定規定的企業所得稅優惠地區已與《投資法》規定的投資優惠地區一致，除依政府規定設立的工業區、出口加工區及工業群。

Như vậy địa bàn ưu đãi thuế TNDN theo nghị định 320/2025 đã thống nhất theo địa bàn ưu đãi Luật đầu tư trừ Khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ.

以往規定 Trước đây:

企業所得稅優惠地區係依據指引企業所得稅法的相關議定來確定。

Địa bàn ưu đãi thuế TNDN căn cứ theo nghị định hướng dẫn luật thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.

15. 擴大投資項目之稅收優惠（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 20 條第 5 款）

Ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư mở rộng tại khoản 5 Điều 20 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025.

- 企業對於已在營運中的投資項目進行規模擴大、產能提升、技術更新、減少污染或改善環境，且該投資項目屬於本議定第 18 條所規定之企業所得稅優惠行業或優惠地區（以下稱「擴大投資」），則因擴大投資所增加之所得，得以在剩餘優惠期間內，按原在營運投資項目所適用之稅收優惠享受優惠，且無須另行分別核算擴大投資所增加之所得與原在營運項目之所得。

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư đang hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm hoặc cải thiện môi trường thuộc ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 18 Nghị định này (sau đây gọi là đầu tư mở rộng) thì phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại và không phải hạch toán riêng khoản thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng với thu nhập từ dự án đang hoạt động;

- 如在營運之投資項目已屆滿其稅收優惠期間，則符合本條第 6 款規定條件的擴大投資項目所增加之所得，將適用免稅、減稅優惠，不適用稅率優惠。因擴大投資所增加之所得之免稅、減稅期間，等同於同一行業、職業及企業所得稅優惠地區內之新投資項目所適用的免稅、減稅期間，並自投資項目完成已登記投資資本之年度起計算。

- Trường hợp dự án đang hoạt động đã hết thời gian hưởng ưu đãi thuế thì khoản thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 6 Điều này được miễn thuế, giảm thuế và không được hưởng ưu đãi về thuế suất. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng bằng với thời

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới cùng ngành, nghề, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và được tính từ năm dự án đầu tư hoàn thành số vốn đầu tư đã đăng ký.

擴大投資項目欲適用本 b 點所規定之稅收優惠，須符合以下其中一項條件：

Dự án đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b này phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- 於擴大投資項目完成並已完成所登記之擴大投資資本撥款後，固定資產原值之新增金額達到：至少 400 億越盾，適用於屬於本議定規定之企業所得稅優惠行業、職業的擴大投資項目；或至少 200 億越盾，適用於於本議定第 18 條第 3 款第 a 點及、b 點所規定之優惠地區實施的擴大投資項目。
- Nguyên giá tài sản cố định tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư mở rộng đã đăng ký đạt tối thiểu từ 40 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thuộc ngành, nghề hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này hoặc từ 20 tỷ đồng đối với dự án đầu tư mở rộng thực hiện tại các địa bàn quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 18 của Nghị định này;
- 於擴大投資項目完成並已完成所登記之擴大投資資本撥款後，固定資產原值之新增比例與開始擴大投資前之固定資產原值總額至少增加 20%;
- Tỷ trọng nguyên giá tài sản cố định khi dự án đầu tư hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư mở rộng đã đăng ký tăng thêm đạt tối thiểu từ 20% so với tổng nguyên giá tài sản cố định trước khi bắt đầu đầu tư mở rộng;
- 於擴大投資項目完成並已完成所登記之擴大投資資本撥款後，設計產能之新增比例與開始擴大投資前之設計產能至少增加 20%。
- Công suất thiết kế tăng thêm khi dự án đầu tư hoàn thành việc giải ngân số vốn đầu tư mở rộng đã đăng ký tối thiểu từ 20% so với công suất thiết kế trước khi bắt đầu đầu tư mở rộng.

據此，企業須先用盡首次投資項目所享有之稅收優惠期間後，方得選擇適用如同新成立投資項目之稅收優惠權利。

Như vậy doanh nghiệp phải hết ưu đãi của dự án lần đầu mới được lựa chọn quyền ưu đãi như dự án mới thành lập.

以往規定 Trước đây:

如符合擴大投資之相關標準，企業可選擇適用新的稅收優惠，或繼續適用首次投資項目剩餘的優惠期間。
Nếu đáp ứng tiêu chí đầu tư mở rộng doanh nghiệp có thể lựa chọn ưu đãi mới hoặc thời gian còn lại của dự án lần đầu.

16. 由經營戶轉制成立之企業適用之企業所得稅優惠（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 21 條第 4 款）

Ưu đãi thuế TNDN với doanh nghiệp thành lập từ hộ kinh doanh tại khoản 4 Điều 21 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

由經營戶新成立之企業（包括經營個人轉制為企業）如符合以下條件，自產生應課稅所得之年度起，可連續 2 年免徵企業所得稅。

Doanh nghiệp thành lập mới từ hộ kinh doanh (bao gồm cá nhân kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm liên tục kể từ khi có thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng các điều kiện sau điều kiện sau.

- 年度總營收不超過 500 億越盾；

- Tổng doanh thu năm không quá 50 tỷ đồng.

- 本款所規定之經營戶或經營個人，須已依法完成登記並實際經營，且自首次取得企業註冊證書之日起回溯計算，其生產、經營活動連續至少滿 12 個月。

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện đã đăng ký và hoạt động theo quy định của pháp luật, đồng thời có thời gian sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất là 12 tháng tính đến ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

- 本款所規定可享有免稅、稅收優惠之新成立企業，係指首次辦理工商登記之企業；不包括以下情形：新成立企業之法律代表人（法律代表人非出資成員者除外）、合夥成員，或持有最高出資比例之人，曾以法律代表人、合夥成員或最高出資比例持有人之身分，參與正在營運中的企業，或已解散但自舊企業解散之日起至新企業成立之日未滿 12 個月之企業的經營活動。

- Doanh nghiệp thành lập mới được miễn thuế, ưu đãi thuế theo quy định tại khoản này là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh lần đầu, không bao gồm trường hợp doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới

17. 關於企業所得稅優惠之若干調整（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 23 條第 3 款）

Một số thay đổi về áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 23 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

- 企業之生產投資項目若係依企業所得稅優惠地區標準而享有稅收優惠，且該生產項目所生產之產品、商品在投資項目實施地區以外提供或銷售而產生所得，該等所得仍得以適用企業所得稅優惠。

- Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất hưởng ưu đãi thuế theo tiêu chí địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mà có phát sinh thu nhập từ cung cấp sản phẩm, hàng hóa do dự án sản xuất ra ngoài địa bàn thực hiện dự án đầu tư thì cũng được hưởng ưu đãi thuế đối với khoản thu nhập này;

以往規定 Trước đây :

對於完全在投資項目實施地區以外生產之產品，不適用企業所得稅優惠。

Không được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với sản phẩm sản xuất hoàn toàn bên ngoài địa bàn dự án đầu tư.

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

- 如企業之投資項目在本議定生效前，未依既有企業所得稅相關法規享有稅收優惠，但符合本議定所規定之優惠條件者，則可自 2025 年計稅期起，就剩餘期間適用本議定所規定之稅收優惠。

- Trường hợp doanh nghiệp có dự án đầu tư mà không thuộc diện được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của Nghị định này thì được áp dụng ưu đãi theo quy định của Nghị định này cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

依新投資項目適用之企業所得稅優惠（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 23 條第 8 款）

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện dự án đầu tư mới tại khoản 8 Điều 23 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

- 符合本議定第 19 條及第 20 條所規定之企業所得稅優惠之新投資項目，須經國家審權機關依投資法規核發投資執照，或依法核准投資主張，或依相關專門法律規定准予投資。

- Dự án đầu tư mới được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định này phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

- 對於不屬於依法須核發投資執照、核准投資主張或依專門法律准予投資之投資項目，則確定其是否屬於新投資項目，係依企業依投資法規定向投資登記機關提交之投資項目實施報告作為依據。

- Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc cho phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì việc xác định dự án đầu tư mới căn cứ vào Báo cáo thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư gửi cơ quan đăng ký đầu tư;

以往規定 Trước đây :

對於不屬於須核發投資執照之投資項目，但投資資本達 150 億越盾以上者，仍須先取得投資執照，方可享有企業所得稅優惠。

Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nhưng vốn đầu tư từ 15 tỷ trở lên vẫn phải xin cấp giấy chứng nhận đầu tư mới được hưởng ưu đãi TNDN.

18. 施行效力（依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 25 條）

Hiệu lực thi hành tại Điều 25 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

- 企業得選擇自 2025 年課稅年度起，或自《企業所得稅法》生效之日起，或自本議定施行之日起，適用本議定所規定之營業收入、費用、稅收優惠、免稅、減稅及虧損結轉相關規定；如企業之 2025 年課稅年度係於《企業所得稅法》生效日之後始開始者，則自《企業所得稅法》生效日或本議定施行日起適用。

- Doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng quy định về doanh thu, chi phí, ưu đãi thuế, miễn thuế, giảm thuế, chuyển lỗ tại Nghị định này từ đầu kỳ tính thuế năm 2025 hoặc từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc

第 320/2025 號議定的若干新要點，指引執行《第 67/2025 號企業所得稅法》

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI NGHỊ ĐỊNH 320/2025 HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SỐ 67/2025

từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; trường hợp kỳ tính thuế năm 2025 của doanh nghiệp bắt đầu sau ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực thì áp dụng từ ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực hoặc từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

- Bản nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định về điểm c khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 3 Điều 12 của Nghị định này áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

- Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt tại điểm c khoản 1 Điều 9 và quy định về chuyển nhượng vốn tại điểm i khoản 3 Điều 12 của Nghị định này áp dụng từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

19. 過渡條款 (依據 2025/12/25 第 320/2025/NĐ-CP 號議定第 25 條)

Điều khoản chuyển tiếp tại Điều 25 nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025

企業之新投資項目於《企業所得稅法》生效日前已成立，且仍處於企業所得稅優惠期間，包括在本議定生效前，依既有企業所得稅相關法規尚未實際享有優惠之新投資項目，均得以就剩餘優惠期間，依核發投資執照或核准投資主張，或依專門法律准予投資之當時適用的法律規定繼續享有稅收優惠；如本議定所規定之優惠幅度高於目前正在適用之優惠，則得轉為適用本議定之優惠，並於剩餘期間內繼續適用。本點所稱之剩餘期間，自 2025 年課稅年度起計算。

Doanh nghiệp có dự án đầu tư mới trước ngày Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư mới chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì được hưởng ưu đãi cho thời gian còn lại theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc được chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp mức ưu đãi tại Nghị định này cao hơn mức ưu đãi đang hưởng thì được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Nghị định này cho thời gian còn lại. Thời gian còn lại quy định tại điểm này được tính từ kỳ tính thuế 2025.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



No.190, Le Niem St., Phu Thanh Ward, HCMC, VN

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com



G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Dai Mo Ward, HaNoi, VN

☎ M +84 908 398 199

✉ business@everwin-group.com



廣州市天河區金穗路 8 號 - 星匯國際大廈 22 樓
F22 號房

☎ M +86 - 198 7281 4318

✉ service@everwin-group.cn

www.everwin-group.com

www.everwin-group.cn

Think for you Do for you
為您思考 用心服務

